

Bản án số: 270/2022/DS-PT

Ngày 26- 4- 2022

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1995/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 389/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Quang N, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 35 Phan Văn Năm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn C, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 453 Kinh Dương V, phường An L, quận Bình T, Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tấn L (Nguyễn Luật Tan), sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: 864 Mytic Ave, Gretna, LA 70056, USA.

2. Ông Đinh Quang S, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 679-C3/20 Nguyễn K, Phường 3, quận Gò V, Thành phố H.

3. Ông Đinh Quang T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền của Ông L, ông S và ông T: Ông Nguyễn Minh C sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 35 Phan Văn Năm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đinh Thụy Thái H, sinh năm 1976 (có mặt)

5. Ông Phạm Vũ Bảo L, sinh năm 1976 (có mặt)

6. Trẻ Phạm Vũ Đăng K, sinh năm 2007 (vắng mặt)

7. Trẻ Phạm Vũ Bảo N, sinh năm 2012 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật của trẻ K, trẻ N: bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L (có mặt)

8. Ông Đinh Quang T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

9. Ông Đinh Quang Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn C, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số 453 Kinh Dương V, phường An L, quận Bình T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đinh Quang Đ: Luật sư Nguyễn Thị Lệ H - Công ty Luật TNHH Tâm Quang, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

10. Ông Đinh Quang V (Dinh Christophe), (chết năm 2017)

Người thừa kế quyền và người vụ tố tụng của ông Việt: Bà Cao Ngọc Bích V (Cao Ép Dinh Catherine), sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 78 Ave de Langen Romoratin 41200, France.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Huy T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 67 Xa lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thụy Thái H và ông Nguyễn Vũ Bảo L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện nguyên đơn, thể hiện

Nguồn gốc nhà đất 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Đinh Quang Hn, bà Trần Thị Thanh V được

chế độ cũ cấp năm 1975. Sau năm 1975, bà V và ông Hiền được Nhà nước cho thuê và sau này được mua nhà theo Nghị định 61/CP ngày 15/7/1994 của Chính Phủ. Do ông Hiền đã chết năm 1984, bà V chết năm 2002, nên trước khi tiến hành mua hóa giá nhà và làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà đất trên, những người con của ông Hiền, bà V gồm: ông Đình Quang D, bà Nguyễn Thị C (vợ ông D), ông Đình Quang N, ông Nguyễn Tấn L (chồng bà Đình Thị Thu T - chết năm 2006), ông Đình Quang S, ông Đình Quang V, ông Đình Quang T đã lập “Giấy thỏa thuận và cam kết” ngày 04/11/2010 với nội dung:

Đồng ý để ông D, bà C đại diện đứng tên mua nhà theo Nghị định 61/CP. Sau khi mua nhà sẽ thuộc sở hữu chung của 06 người có tên nêu trên, trường hợp bán nhà thì sau khi trừ các chi phí sửa chữa, mua hóa giá nhà, còn lại sẽ được chia như sau:

- Ông D và bà C sẽ được hưởng 1/3 giá trị nhà đất.
- 2/3 giá trị nhà đất sẽ được chia cho 05 người gồm: ông Đình Quang N, ông Nguyễn Tấn L (chồng bà Đình Thị Thu Thủy - chết năm 2006), ông Đình Quang S, ông Đình Quang V, ông Đình Quang T.

Ông D và bà C đã đứng tên mua hóa giá nhà và được Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BB 862254 ngày 09/11/2010. Năm 2013, ông D chết, các anh em đề nghị bán nhà nhưng bà C và các con của ông D không đồng ý.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận nhà đất số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố H là tài sản thuộc sở hữu chung của 06 anh, em; buộc bà C và các con ông D thực hiện chia căn nhà theo “Giấy thỏa thuận và cam kết” ngày 04/11/2010.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà C và yêu cầu độc lập của bà Thái H, ông Bảo L về chi phí mua hóa giá nhà, chi phí sửa chữa nhà và các chi phí sửa chữa khác cũng như yêu cầu tiền trượt giá.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà đồng ý bán nhà để chia tài sản chung theo thỏa thuận ngày 04/11/2010. Nhưng trước khi chia phải trừ và thanh toán lại cho bà khoản tiền mà bà và ông D đã bỏ ra, gồm: tiền mua hóa giá nhà, tiền sửa chữa nhà và một số các chi phí hợp thức hóa nhà đất, tổng cộng là 196.496.064 đồng. Các khoản tiền cụ thể như sau:

- Tiền mua hóa giá nhà: 149.849.152 đồng (trong đó, vợ chồng bà Hòa bỏ ra 46.000.000 đồng).
- Tiền sửa chữa nhà: 29.000.000 đồng (tiền của bà Hòa, ông Long 16.000.000 đồng).
- Chi phí dịch vụ hợp thức hóa nhà: 17.647.912 đồng.

Như vậy, trừ đi 62.000.000 đồng của bà Hòa, bà C yêu cầu được hưởng 134.000.000 đồng (lấy số chẵn). Theo bà C, số tiền này vợ chồng bà bỏ ra tại

thời điểm năm 2010 tương đương với 5,2 lượng vàng SJC. Do vậy, bà yêu cầu được trừ vào giá trị nhà đất và bà được hưởng số tiền này theo giá vàng tại thời điểm xét xử với số tiền là $5,2 \times 56.000.000 \text{ đồng} = 291.200.000 \text{ đồng}$.

Bà C cũng không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Hòa và ông Long về số tiền hóa giá nhà 46.000.000 đồng tính thành 33% giá trị căn nhà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Quang Đ và ông Đinh Quang T1 (con ruột của ông D) cũng thống nhất với lời trình bày và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L, Đinh Quang S, Đinh Quang T (có ông Nguyễn Minh Châu làm đại diện theo ủy quyền) cũng thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập nào khác.

Đối với ông Đinh Quang V đã chết khi vụ án đang trong quá trình tố tụng, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng duy nhất của ông là vợ - bà Cao Ngọc Bích V (tức Cao Ép Dinh C) có ông Lại Huy T làm đại diện theo ủy quyền cũng hoàn toàn thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh THụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L có yêu cầu độc lập:

Ông bà xác nhận nguồn gốc căn nhà là của ông Hiền, bà V; đồng thời cho rằng số tiền 46.000.000 đồng mà ông, bà đã đưa cho ba, mẹ (ông D, bà C) dùng để thanh toán tiền mua hóa giá nhà, tức là tương đương 33% tổng giá trị nhà đất. Ông Long, bà Hòa yêu cầu những người được phân chia tài sản (căn nhà) phải thanh toán lại cho ông, bà 33% giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án.

Đối với số tiền sửa nhà 16.000.000 đồng vào thời điểm năm 2005, bà Hòa và ông Long yêu cầu tính trượt giá như cách tính của bà C, tương đương 03 lượng vàng ($56.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ lượng}$) = 168.000.000 đồng, phải thanh toán lại cho vợ chồng bà.

Tất cả đương sự trong vụ án đều thống nhất với kết quả thẩm định giá nhà đất tranh chấp do Công ty TNHH đầu tư và Thẩm định ThànhN thực hiện. Theo đó, tổng giá trị nhà đất được làm tròn là 30.757.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1995/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Điều 26; các Điều 35, 37, 48, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 208, 209, 219, 234 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh QuangN;

1.1. Công nhận nhà đất số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố Htheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02820 ngày 09/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 25/8/2015 là tài sản chung của ông Đinh Quang D, bà Nguyễn Thị C; ông Đinh QuangN; ông Đinh Quang S; ông Đinh Quang T; ông Đinh Quang V (bà Cao Ngọc Bích V - Cao Ép Dinh Catherine kế thừa); ông Nguyễn Tuấn Luật.

1.2. Tài sản chung này được chia như sau:

Giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án sau khi trừ đi các chi phí thi hành án theo quy định, được thi hành án và phân chia như sau:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C và các đồng thừa kế của ông Đinh Quang D số tiền 291.200.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L 245.728.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Đinh QuangN 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Số tiền còn lại được chia cho các đồng sở hữu theo tỷ lệ:

Bà Nguyễn Thị C và các đồng thừa kế của ông Đinh Quang D (Đinh Thụy Thái H, Đinh Quang Đ, Đinh Quang T1) được hưởng 1/3.

Các ông, bà: Đinh QuangN, Đinh Quang S, Đinh Quang T, Nguyễn Tấn L, Cao Ngọc Bích V (Cao Ép Dinh Catherine) mỗi người được chia 2/15.

1.3. Buộc bà C, ông Đạt, ông Thắng, bà Hòa phải có trách Nệm giao lại Giấy chứng nhận (nêu tại mục 1.1), đồng thời cùng với những người đang thực tế cư trú tại căn nhà phải bàn giao căn nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để thi hành phát mãi tài sản theo bản án này.

Tất cả thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 10/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thụy Hòa, ông Phạm Vũ Bảo L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L cùng trình bày:*

Đề nghị hủy án sơ thẩm do bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông bà.

** Ông Nguyễn Minh Châu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh QuangN và của ông Nguyễn Tấn L, ông Đinh Quang S, ông Đinh Quang T trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Hòa, ông Long.

** Ông Hà Văn C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị C và của ông Đinh Quang T1, ông Đinh Quang Đ trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Hòa, ông Long.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đinh Quang Đ là Luật sư Nguyễn Thị Lệ H trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Hòa, ông Long.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Huy T là người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Quang V trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Hòa, ông Long.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1995/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo lời trình bày và thừa nhận của các đương sự thì nhà đất tại số 42 Cao Bá Nhạ, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 có nguồn gốc của cụ Đình Quang Hn và cụ Trần Thị Thanh V tạo lập từ trước năm 1975. Sau năm 1975 nhà đất được Nhà nước xác lập sở hữu; cụ Hiền, cụ V được Nhà nước tiếp tục cho thuê nhà đất trên để ở. Đến năm 1984 cụ Hiền chết, năm 2002 cụ V chết. Cụ Hiền và cụ V có tất cả 06 người con gồm:

- Ông Đình Quang D (đã chết năm 2013). Ông D có vợ là bà Nguyễn Thị C và các con là bà Đình Thụy Thái H, ông Đình Quang T1, ông Đình Quang Đ;
- Ông Đình QuangN, sinh năm 1954;
- Bà Đình Thị Thu Thủy (đã chết năm 2006). Bà Thủy có chồng là ông Nguyễn Tấn L;
- Ông Đình Quang S, sinh năm 1950;
- Ông Đình Quang V (đã chết năm 2017). ông V có vợ là bà Cao Ngọc Bích V, không có con chung;
- Ông Đình Quang T, sinh năm 1960.

Ngày 04/11/2010 các ông Đình Quang D, Đình QuangN, Đình Quang S, Đình Quang V, Đình Quang T, Nguyễn Tấn L (chồng bà Thủy) đã cùng lập *Giấy thỏa thuận và cam kết* với nội dung: "...Ông Đình Quang D cùng vợ bà Nguyễn Thị C được các anh em còn lại đồng ý cho vợ chồng ông D, bà C đứng tên mua hóa giá nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ và đại diện đứng tên chủ sở hữu nhà đất. Sau khi mua nhà sẽ thuộc sở hữu chung của 06 người là Đình Quang D, Đình QuangN, Đình Quang S, Đình Quang V, Đình Quang T, Nguyễn Tấn L. Trường hợp bán nhà thì sau khi trừ các chi phí sửa chữa, mua hóa giá nhà sẽ được chia cho ông D, bà C được hưởng 1/3 giá trị nhà đất; 2/3 giá trị nhà đất còn lại sẽ được chia cho các ông Đình QuangN, Đình Quang S, Đình Quang V, Đình Quang T, Nguyễn Tấn L".

Sau khi lập giấy thỏa thuận, ông D, bà C tiến hành đứng tên mua hóa giá nhà và được UBND Quận 1 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BB862254 ngày 09/11/2010.

Như vậy, căn cứ theo *Giấy thỏa thuận và cam kết* ngày 04/11/2010 cũng như lời thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định nhà đất số 42 Cao Bá Nhạ có nguồn gốc là tài sản của cụ Đình Quang Hn và cụ Trần Thị Thanh V; sau khi cụ Hiền, cụ V chết thì những người thừa kế của cụ Hiền, cụ V được hưởng, bao gồm các ông bà Đình Quang D, Đình QuangN, Đình Quang S, Đình Quang V, Đình Quang T, Đình Thị Thu Thủy. Ông D đã chết nên vợ con ông D là bà Nguyễn Thị C, bà Đình Thụy Thái H, ông Đình Quang T1, ông Đình Quang Đ được hưởng. Bà Thủy đã chết nên chồng bà Thủy là ông Nguyễn Tấn L được hưởng. ông V đã chết nên vợ là bà Cao Ngọc Bích V được hưởng.

[2] Bà Đinh Thụy Thái H (con của ông D) cùng chồng là ông Phạm Vũ Bảo L kháng cáo cho rằng tại thời điểm ông D, bà C tiến hành mua hóa giá nhà thì số tiền cần bỏ ra là 149.849.152 đồng. Bà Hòa, ông Long đã góp vào số tiền 46.000.000 đồng để cùng ông D, bà C thanh toán tiền mua nhà; tương đương 33% giá trị nhà đất. Do đó bà Hòa, ông Vũ yêu cầu những người được phân chia nhà đất phải có trách Nệm trả lại cho ông bà 33% giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: theo *Giấy thỏa thuận và cam kết* ngày 04/11/2010 thì ông D, bà C chỉ là người đại diện cho các đồng thừa kế của cụ Hiên, cụ V tiến hành việc mua hóa giá nhà và đứng tên trên giấy chứng nhận. Việc bà Hòa, ông Long đưa tiền cho ông D, bà C hiện nay cũng chỉ có bà Hòa, ông Long, bà C trình bày; không có cơ sở để xác định bà Hòa, ông Long hùn tiền mua nhà đất hay là cho ông D, bà C mượn. Chính bà C cũng xác định bà Hòa, ông Long cho mượn 46.000.000 đồng; bà C không đồng ý với lời trình bày của bà Hòa, ông Long về việc tính số tiền 46.000.000 đồng thành 33% giá trị căn nhà. Các đồng thừa kế khác của cụ Hiên, cụ V không hề có thỏa thuận với bà Hòa, ông Long về việc cho bà Hòa, ông Long hùn tiền mua nhà và cùng được sở hữu nhà đất. Do đó không có cơ sở xác định bà Hòa, ông Long là đồng sở hữu nhà đất số 42 Cao Bá Nhạ.

Hiện nay, các đồng sở hữu đều đồng ý trả lại cho bà Hòa, ông Long số tiền 46.000.000 đồng tính theo trượt giá vàng, cụ thể: tại thời điểm năm 2010 số tiền 46.000.000 đồng tương đương 1,388 lượng vàng SJC; nay tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì 1,388 lượng vàng SJC tương đương 63.848.000 đồng. Cách tính này cũng phù hợp với cách tính của bà Hòa, ông Long khi yêu cầu được hoàn trả lại chi phí sửa chữa nhà vào năm 2005 số tiền 16.000.000 đồng tương đương 03 lượng vàng SJC, quy ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm 03 lượng vàng SJC tương đương 168.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hòa, ông Long về việc yêu cầu các đồng sở hữu khác phải trả lại cho ông bà 33% giá trị nhà đất. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo của bà Hòa, ông Long không được chấp nhận nên bà Hòa, ông Long phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 208, 209, 219, 234 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thụy Thái H, ông Phạm Vũ Bảo L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh QuangN và yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị C. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thụy Thái H, ông Phạm Vũ Bảo L.

2.1. Công nhận nhà đất số 42 Cao Bá N, Phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố Htheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02820 ngày 09/11/2010, cập nhật thay đổi ngày 25/8/2015 là tài sản chung của ông Đinh Quang D, bà Nguyễn Thị C; ông Đinh QuangN; ông Đinh Quang S; ông Đinh Quang T; ông Đinh Quang V (bà Cao Ngọc Bích V - Cao Ép Dinh Catherine kế thừa); ông Nguyễn Tấn L.

2.1.1. Tài sản chung này được chia như sau:

Giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án sau khi trừ đi các chi phí thi hành án theo quy định, được thi hành án và phân chia như sau:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C và các đồng thừa kế của ông Đinh Quang D số tiền 291.200.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L 245.728.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Đinh QuangN 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Số tiền còn lại được chia cho các đồng sở hữu theo tỷ lệ:

+ Bà Nguyễn Thị C và các đồng thừa kế của ông Đinh Quang D (Đinh Thụy Thái H, Đinh Quang Đ, Đinh Quang T1) được hưởng 1/3.

+ Các ông, bà: Đinh QuangN, Đinh Quang S, Đinh Quang T, Nguyễn Tấn L, Cao Ngọc Bích V (Cao Ép Dinh Catherine) mỗi người được chia 2/15.

2.2. Buộc bà C, ông Đạt, ông Thắng, bà Hòa phải có trách Nệm giao lại Giấy chứng nhận (nêu tại mục 1.1), đồng thời cùng với những người đang thực tế cư trú tại căn nhà phải bàn giao căn nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để thi hành phát mãi tài sản theo bản án này.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L cùng chịu án phí 117.959.424 đồng (Một trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0044079 ngày 29/3/2018 và Biên lai thu số 0092821 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Long và bà Hòa phải nộp thêm 106.404.424 (Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

Các ông, bà: Đinh Quang N, Đinh Quang S, Đinh Quang T, Nguyễn Tấn L, Cao Ngọc Bích V, Nguyễn Thị C được miễn án phí.

Hoàn trả lại cho ông Đinh Quang N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 15.333.320 (Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi) đồng đã nộp theo biên lai thu số 09634 ngày 20/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thụy Thái H và ông Phạm Vũ Bảo L mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp theo Biên lai thu số 0093351 (do ông Phạm Vũ Bảo L nộp) và 0093352 (do ông Phạm Vũ Bảo L nộp thay bà Đinh Thụy Thái H) ngày 24/12/2020 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chi phí tố tụng khác: Về chi phí thẩm định giá, các ông, bà: Đinh Quang N, Đinh Quang S, Đinh Quang T, Nguyễn Tấn L, Cao Ngọc Bích V, Nguyễn Thị C cùng chịu và đã nộp xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh